

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 1649/QĐ-BNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Căn cứ Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao; Nghị định số 29/2020/NĐ-CP ngày 03/03/2020 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 14/03/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 09/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Lãnh sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/8/2021.

Bãi bỏ các thủ tục gồm: thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông lần đầu và thủ tục cấp lại hộ chiếu phổ thông (do bị mất, bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng, tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ hoặc hộ chiếu còn thời hạn nhưng có nhu cầu cấp đổi) tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được ban hành kèm theo Quyết định số 1061/QĐ-BNG ngày 14/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Lãnh sự, các Trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: TCCB, LS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tô Anh Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC LÃNH SỰ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NGOẠI GIAO**

(Ban hành kèm theo Quyết định ~~1649~~¹⁶⁴⁹/QĐ-BNG ngày ~~26~~²⁶/7/2021
của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông (không gắn chip điện tử) tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Công tác lãnh sự	Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
2	Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài		

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.000681	Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông lần đầu	- Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, số 49/2019/QH14 ngày 22/11/2019;	Công tác lãnh sự	Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
2	2.000590	Thủ tục cấp lại hộ chiếu phổ thông (do bị mất, bị hư hỏng, hết thời hạn sử dụng, tách trẻ em trong hộ chiếu của cha hoặc mẹ), hoặc hộ chiếu còn thời hạn nhưng có nhu cầu cấp đổi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	- Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/06/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan.	Cấp hộ chiếu, giấy thông hành, công hàm đề nghị cấp thị thực	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC LÃNH SỰ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NGOẠI GIAO

Định nghĩa viết tắt:

CQĐD : Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

HCPT : Hộ chiếu phổ thông.

Cục QLXNC : Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an.

I. LĨNH VỰC CÔNG TÁC LÃNH SỰ

1. Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông (không gắn chip điện tử) tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người đề nghị cấp HCPT (không gắn chip điện tử) chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại CQĐD.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận (tại CQĐD) kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ (Tờ khai, ảnh chân dung và các giấy tờ liên quan); kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận trả lại hồ sơ và hướng dẫn người đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết, cán bộ tiếp nhận cấp Giấy hẹn trả kết quả và chuyển hồ sơ cho bộ phận xử lý hồ sơ để giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3: CQĐD giải quyết và trả kết quả theo quy định:

- Trong thời hạn quy định (05 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu và 03 ngày làm việc đối với đề nghị cấp hộ chiếu lần thứ hai trở đi) kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, nếu đủ căn cứ để cấp hộ chiếu, CQĐD cấp HCPT (không gắn chip điện tử), trả kết quả cho người đề nghị và thông báo bằng văn bản cho Cục QLXNC và Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao trong trường hợp chưa kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Trường hợp nhận được Đơn báo mất HCPT: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn, CQĐD có trách nhiệm thông báo theo mẫu cho Cục QLXNC (để hủy giá trị sử dụng hộ chiếu) và người gửi đơn.

- Trường hợp chưa đủ căn cứ để cấp hộ chiếu hoặc cần kéo dài thời gian để xác định căn cứ cấp hộ chiếu, CQĐD trả lời bằng văn bản cho người đề nghị, nêu lý do. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị, CQĐD gửi văn bản theo mẫu về Cục Lãnh sự, Cục QLXNC để xác minh theo thẩm quyền. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của Cục Lãnh sự, Cục QLXNC, CQĐD cấp hộ HCPT (không gắn chip điện tử) và trả kết quả cho người đề nghị.

- Trường hợp chưa cấp hộ chiếu, CQĐD trả lời bằng văn bản cho người đề nghị, nêu lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp nộp hồ sơ và nhận kết quả tại CQĐD.

- Đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu thực hiện tại CQĐD ở nước người đề nghị cư trú. Đề nghị cấp hộ chiếu từ lần thứ hai thực hiện tại CQĐD nơi thuận lợi.

- Trường hợp người đề nghị cấp HCPT có yêu cầu nhận kết quả tại địa điểm khác với CQĐD đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp HCPT thì phải trả phí dịch vụ chuyển phát.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

- 01 Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài (mẫu TK02);

- 02 ảnh chân dung (ảnh mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 4cm x 6cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự, phong ảnh nền trắng);

- Xuất trình hộ chiếu Việt Nam hoặc giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Trường hợp không có hộ chiếu Việt Nam, giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp thì xuất trình giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp và giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ làm căn cứ để xác định quốc tịch Việt Nam.

- Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh đối với người chưa đủ 14 tuổi;

- HCPT cấp lần gần nhất đối với người đã được cấp hộ chiếu; trường hợp hộ chiếu bị mất phải kèm Đơn trình báo mất HCPT hoặc văn bản thông báo về việc đã tiếp nhận đơn báo mất HCPT của cơ quan có thẩm quyền;

- Bản chụp Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân đối với trường hợp có sự thay đổi thông tin về nhân thân so với thông tin trong hộ chiếu đã cấp lần gần nhất;

- Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp chứng minh người đại diện hợp pháp đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định của Bộ luật Dân sự, người chưa đủ 14 tuổi. Trường hợp bản chụp không có chứng thực thì xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời gian giải quyết:

- Trong thời hạn quy định (05 ngày làm việc đối với hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu và 03 ngày làm việc đối với đề nghị cấp hộ chiếu lần thứ hai trở

đi) kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, nếu đủ căn cứ để cấp hộ chiếu, CQDD cấp HCPT (không gắn chip điện tử), trả kết quả cho người đề nghị

- Trường hợp hồ sơ phải xác minh với Cục Lãnh sự, Cục QLXNC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của Cục Lãnh sự, Cục QLXNC, CQDD cấp HCPT (không gắn chip điện tử) và trả kết quả cho người đề nghị.

1.5.Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam ở nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

1.6.Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự.

1.7.Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: HCPT (không gắn chip điện tử) có thời hạn 5 năm hoặc 10 năm.

1.8.Phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính:

Tên lệ phí	Mức thu lệ phí	Văn bản quy định
Cấp mới hộ chiếu	70 \$/quyền/lần	Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí lãnh sự tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.
Cấp lại hộ chiếu do hỏng hoặc bị mất	150 \$/quyền/lần	

1.9.Mẫu đơn, tờ khai:

Các mẫu tờ đơn, tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/06/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan:

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài (mẫu TK02);
- Đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông (mẫu TK05);
- Văn bản thông báo về việc tiếp nhận đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông (mẫu VB01);
- Văn bản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đề nghị xác minh nhân thân để cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam (mẫu VB02).

1.10.Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại Điều 21 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

1.11.Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, số 33/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, số 19/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

- Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, số 49/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

- Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/06/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan;

- Thông tư số 02/2020/TT-BNG ngày 14/02/2020 của Bộ Ngoại giao về việc tổ chức giải quyết công tác lãnh sự;

- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2. Thủ tục cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

2.1. Trình tự thực hiện:

a. Trường hợp người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu, có nguyện vọng về nước ngay:

Bước 1: Người đề nghị cấp HCPT theo thủ tục rút gọn chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại CQĐD.

Bước 2: Cán bộ tiếp nhận (tại CQĐD) kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, cán bộ tiếp nhận trả lại hồ sơ và hướng dẫn cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết, cán bộ tiếp nhận, cấp Giấy hẹn trả kết quả và chuyển hồ sơ cho bộ phận xử lý hồ sơ để giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3: CQĐD giải quyết và trả kết quả theo quy định:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, CQĐD cấp HCPT có thời hạn không quá 12 tháng, trả kết quả cho người đề nghị và thông báo bằng văn bản cho Cục QLXNC, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao trong trường hợp chưa kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Trường hợp chưa đủ căn cứ để cấp hộ chiếu:

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, CQĐD gửi văn bản theo mẫu về Cục QLXNC để xác minh, đồng thời thông báo bằng văn bản cho người đề nghị;

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, CQĐD cấp HCPT có thời hạn không quá 12 tháng và trả kết quả cho người đề nghị. Trường hợp chưa cấp thì trả lời bằng văn bản, nêu lý do;

- Trường hợp CQĐD nhận được văn bản thông báo của Cục QLXNC xác nhận nhân thân của công dân Việt Nam ở nước ngoài bị mất hộ chiếu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, CQĐD thu nhận ảnh của người đề nghị, cấp HCPT có thời hạn không quá 12 tháng và trả kết quả.

b. Trường hợp có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu:

- CQĐD tiếp nhận quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại kèm 02 ảnh chân dung của người bị trục xuất.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trục xuất của nước sở tại, CQĐD gửi thông tin của người bị trục xuất theo mẫu về Cục QLXNC;

- CQĐD cấp HCPT có thời hạn theo thông báo của Cục QLXNC.

c. Trường hợp vì lý do quốc phòng, an ninh: CQĐD cấp HCPT theo văn bản thông báo của Cục QLXNC.

2.2. Cách thức thực hiện: Trục tiếp nộp hồ sơ, nhận kết quả tại CQĐD.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu, có nguyện vọng về nước ngay:*

- 01 Tờ khai đề nghị cấp HCPT ở nước ngoài (mẫu TK02);

- 02 ảnh chân dung (ảnh mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 4cm x 6cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự, phong ảnh nền trắng);

- Đơn trình báo mất HCPT (mẫu TK05);

- Xuất trình giấy tờ tùy thân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp (nếu có).

** Trường hợp có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu:*

- Quyết định trục xuất của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại;

- 02 ảnh chân dung (ảnh mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 4cm x 6cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự, phong ảnh nền trắng);

** Trường hợp được cấp HCPT vì lý do quốc phòng, an ninh:* Văn bản thông báo của Cục QLXNC (theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an).

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời gian giải quyết:

a. Trường hợp người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu, có nguyện

vọng về nước ngay:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không phải xác minh và đủ điều kiện giải quyết;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cục QLXNC đối với trường hợp phải xác minh.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cục QLXNC xác nhận nhân thân của công dân Việt Nam ở nước ngoài bị mất hộ chiếu.

b. Trường hợp có quyết định trục xuất bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước sở tại nhưng không có hộ chiếu: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cục QLXNC.

c. Trường hợp được cấp HCPT vì lý do quốc phòng, an ninh: Sau khi nhận được văn bản thông báo của Cục QLXNC.

2.5.Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam ở nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 4, Điều 17 Luật Xuất cảnh, nhập của công dân Việt Nam.

2.6.Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự.

2.7.Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: HCPT có thời hạn không quá 12 tháng.

2.8.Phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính:

Tên lệ phí	Mức thu lệ phí	Văn bản quy định
Cấp mới hộ chiếu	70 \$/quyển/lần	Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí lãnh sự tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2.9.Mẫu đơn, tờ khai:

Các mẫu tờ đơn, tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/06/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan:

- Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài (mẫu TK02);
- Đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông (mẫu TK05);
- Văn bản thông báo về việc tiếp nhận đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông (mẫu VB01);
- Văn bản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đề nghị xác minh nhân thân để cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam (mẫu VB02).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam ở nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và 4, Điều 17 Luật Xuất cảnh, nhập của công dân Việt Nam.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, số 33/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, số 19/2017/QH14 ngày 21/11/2017;

- Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, số 49/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

- Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/06/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan;

- Thông tư số 02/2020/TT-BNG ngày 14/02/2020 của Bộ Ngoại giao về việc tổ chức giải quyết công tác lãnh sự;

- Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

PHỤ LỤC

CÁC BIỂU MẪU, TỜ KHAI ÁP DỤNG TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành kèm theo Quyết định/QĐ-BNG ngày .../ /2021
của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao)*

Mẫu	Tên biểu mẫu, tờ khai
TK02	Tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài
TK05	Đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông
VB01	Văn bản thông báo về việc tiếp nhận đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông
VB02	Văn bản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đề nghị xác minh nhân thân để cấp hộ chiếu phổ thông cho công dân Việt Nam

Theo Thông tư số 73/2021/TT-BCA ngày 29/6/2021 của Bộ Công an quy định về mẫu hộ chiếu, giấy thông hành và các biểu mẫu liên quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

(Dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp
hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài)⁽¹⁾

Ảnh
(2)

1. Họ và tên (chữ in hoa)..... 2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh ngày..... tháng..... năm..... Nơi sinh (tỉnh, thành phố).....
4. Số ĐDCN/CMND⁽³⁾ Ngày cấp...../...../.....
5. Dân tộc..... 6. Tôn giáo..... 7. Số điện thoại.....
8. Địa chỉ cư trú ở nước ngoài
9. Địa chỉ thường trú ở trong nước trước khi xuất cảnh
10. Nghề nghiệp..... 11. Tên và địa chỉ cơ quan (nếu có).....
12. Cha: họ và tên sinh ngày/...../.....
- Mẹ: họ và tên sinh ngày/...../.....
- Vợ/chồng: họ và tên sinh ngày/...../.....
13. Họ tên, địa chỉ, số điện thoại của thân nhân ở Việt Nam (nếu có)
14. Xuất cảnh Việt Nam ngày/...../..... qua cửa khẩu
15. Hộ chiếu phổ thông lần gần nhất (nếu có) số cấp ngày/...../.....
16. Nội dung đề nghị⁽⁴⁾.....
- Cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử ☐ Cấp hộ chiếu không gắn chip điện tử ☐

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật.

Làm tại..... ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị⁽⁵⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chú thích:

(1) Người đề nghị điền đầy đủ thông tin ghi trong mẫu, không được thêm bớt.

(2) Ảnh mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 4cm x 6cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng.

(3) Điền số định danh cá nhân, số Thẻ căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân.

(4) Ghi cụ thể: Đề nghị cấp hộ chiếu lần đầu hoặc từ lần thứ hai; đề nghị khác nếu có (ghi rõ lý do). Trường hợp đề nghị cấp hộ chiếu có (hoặc không) gắn chip điện tử thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng.

(5) Đối với người mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi, người chưa đủ 14 tuổi thì người đại diện hợp pháp ký thay.

Ảnh
(2)

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chuyển đơn trình báo mất hộ chiếu phổ thông

Kính gửi: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an

Ngày/...../.....,⁽¹⁾ tiếp nhận đơn trình báo mất hộ chiếu của người có nhân thân như sau:

Họ và tên Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Sinh ngày/...../..... Nơi sinh (tỉnh, thành phố)

Số ĐDCN/CMND⁽²⁾

.....⁽¹⁾ chuyển đơn để quý Cục xử lý theo quy định (kèm theo)/.

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Người gửi đơn;
- Lưu:

Ghi chú:

(1) Cơ quan tiếp nhận đơn trình báo mất hộ chiếu.

(2) Ghi số định danh cá nhân, số Thẻ căn cước công dân hoặc số Chứng minh nhân dân

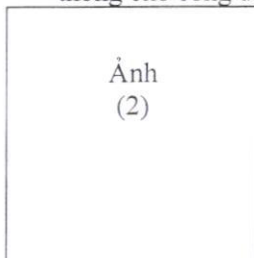
..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v xác minh để cấp hộ chiếu phổ
 thông cho công dân Việt Nam



CÔNG ĐIỆN

Kính gửi: - Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao;
 - Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an

..... (1) trân trọng đề nghị quý Cục cho biết ý kiến về việc cấp hộ chiếu phổ thông của người có thông tin sau:

Họ và tên Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Ngày sinh Nơi sinh (tỉnh, thành phố)

Địa chỉ cư trú ở nước ngoài

Địa chỉ thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh

Họ tên, địa chỉ, số điện thoại của thân nhân ở trong nước (nếu có)

Xuất cảnh Việt Nam ngày/...../.....

Họ và tên bố ngày sinh/...../.....

Họ và tên mẹ ngày sinh/...../.....

Họ và tên vợ/chồng ngày sinh/...../.....

Giấy tờ liên quan do Việt Nam cấp (nếu có)⁽³⁾

Lý do đề nghị cấp hộ chiếu

Xin trao đổi quý Cục để phối hợp công tác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

Ghi chú:

(1) Tên Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

(2) Ảnh mới chụp không quá 06 tháng, cỡ 4cm x 6cm, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính, trang phục lịch sự, phông ảnh nền trắng.

(3) Ghi tên giấy tờ, ngày cấp, cơ quan cấp và gửi kèm. 0

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
 (ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)